

**KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA CHO HỌC VIÊN CAO HỌC
KHÓA 8 (2019-2021), KỶ THI NGÀY 30-31/8/2020**

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả TBC	Kết quả theo thang điểm 10
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	001	Trương Thị	Chanh	20/11/1977	17,0	17,0	7,5	10,0	51,5	5,2
2	002	Trần Thị Thúy	Hằng	20/01/1974	16,0	21,0	16,5	16,0	69,5	7,0
3	003	Nguyễn Sơn	Hùng	01/08/1976	17,0	18,0	19,0	16,0	70,0	7,0
4	004	Phan Lưu Đức	Huy	31/12/1993	17,0	18,0	26,0	14,0	75,0	7,5
5	005	Đoàn Minh	Long	01/01/1973	17,0	10,0	15,0	15,0	57,0	5,7
6	006	Vũ Thị	Lý	26/09/1983	14,0	15,0	24,5	14,0	67,5	6,8
7	007	Ngô Minh	Nhiệm	19/06/1977	18,0	10,0	9,0	13,0	50,0	5,0
8	008	Mai Thị Hồng	Phượng	01/01/1975	16,0	17,0	24,0	16,0	73,0	7,3
9	009	Trần Văn	Sang	1982	16,0	18,0	14,0	11,0	59,0	5,9
10	010	Nguyễn Đức	Dur	1982	16,0	23,0	25,0	13,0	77,0	7,7
11	011	Phạm Thị Mỹ	Dung	10/02/1986	20,0	22,0	28,0	15,0	85,0	8,5
12	012	Cao Thành	Đạt	17/11/1997	18,0	21,0	27,0	17,0	83,0	8,3
13	013	Lê Hoàng	Khải	01/08/1982	20,0	23,0	28,0	17,0	88,0	8,8
14	014	Huỳnh Ng Thụy Hồng	Lan	09/04/1981	15,0	23,0	24,0	17,0	79,0	7,9
15	015	Bùi Thị Kim	Ngân	01/01/1997	17,0	25,0	24,0	14,0	80,0	8,0
16	016	Nguyễn Hiếu	Nhi	20/12/1991	20,0	20,0	29,0	18,0	87,0	8,7
17	017	Trình Ngọc	Tánh	30/09/1991	20,0	22,0	27,5	14,0	83,5	8,4
18	018	Phạm Thị Mai	Thắm	16/12/1997	13,0	25,0	27,5	17,0	82,5	8,3
19	019	Phạm Thị Hương	Trà	24/10/1996	20,0	27,0	27,5	18,0	92,5	9,3
20	020	Nguyễn Minh	Trung	22/02/1980	16,0	25,0	28,5	13,0	82,5	8,3
21	021	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/10/1997	20,0	24,0	28,0	18,0	90,0	9,0
22	022	Trần Thị Cẩm	Thanh	26/08/1978	17,0	24,0	30,0	12,0	83,0	8,3
23	023	Trần Thị Thủy	Trang	18/08/1981	19,0	25,0	27,0	14,0	85,0	8,5
24	024	Lâm Quốc	Việt	28/07/1982	14,0	23,0	26,0	13,0	76,0	7,6
25	025	Nguyễn Thị Phương	Thu	11/07/1990	20,0	23,0	19,5	15,0	77,5	7,8
26	026	Phan Thị Ngọc	Bích	10/02/1996	9,0	14,0	14,5	12,5	50,0	5,0

